TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HÒA** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số:14/2024/HNGĐ-ST Ngày 22 tháng 7 năm 2024 *"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hồ Xuân Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà **Nguyễn Thị Nguyệt**

2. Ông **Trần Thanh Hải**

-***Thư ký phiên toà:*** Bà **Phạm Thị Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu T, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Nơi ĐKTT: Khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Phan Phúc C, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/3/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Phúc C đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại UBND phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị và anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh C sống với nhau hạnh phúc tuy nhiên được một thời gian thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do chị và anh C bất đồng về quan điểm sống, mặc dù mâu thuẫn của chị và anh C đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Do không thể sống chung với nhau được nữa nên chị và anh C đã sống ly thân từ 01/7/2023 đến nay. Từ khi chị và anh C sống ly thân cho đến nay không còn ai quan tâm chăm sóc tới nhau nữa, nay chị thấy không còn tình cảm với anh C nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Phúc C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên là Phan Phúc An K, sinh ngày 02/01/2020, không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị và anh C. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị và anh C không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay cũng như không vay nợ ai tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ cho anh C. Tuy nhiên anh C không có mặt, vì vậy không lấy được lời khai, ý kiến của anh C đối với yêu cầu của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ xác minh, lấy lời khai, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có mặt tại Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Diệu T được ly hôn với anh Phan Phúc C

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị Diệu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T và anh C là Phan Phúc An K, sinh ngày 02/01/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Diệu T không yêu cầu anh Phan Phúc C cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Diệu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Diệu T phải chịu án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào lời khai của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Diệu T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Phan Phúc C có hộ khẩu thường trú tại khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Anh Phan Phúc C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba tuy nhiên Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phan Phúc C. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt anh C.

[2] *Về nôi dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Diệu T và anh Phan Phúc C đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2018 tại UBND phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An, hôn nhân giữa chị T và anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh C là do hai bên bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù kết quả xác minh tại địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn, nguyên nhân tranh chấp. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp hệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và anh C đã biết được nội dung chị T nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án thông qua lời trình bày của bà L (mẹ đẻ anh C) tại biên bản xác minh ngày 04/6/2024. Mặc dù anh C đã biết được nội dung yêu cầu ly hôn của chị T nhưng anh C cũng không đưa ra được giải pháp để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Hơn nữa tại các phiên làm việc, phiên họp anh C đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh C đã để mặc, không tìm được biện pháp để đoàn tụ, khắc phục nguyên nhân mâu thuẫn. Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vì chị không còn tình cảm với anh C, hai bên đã sống ly thân trong một thời gian dài. Điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp.

2.2. *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Diệu T và anh Phan Phúc C có một con chung tên là Phan Phúc An K, sinh ngày 02/01/2020, không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi.

Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T và anh C. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh C nhưng anh C không có mặt, tại phiên tòa anh C vắng mặt, vì vậy không thể hiện được ý kiến, nguyện vọng của anh C về việc nuôi con chung. Tuy nhiên thấy rằng chị T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung hơn nữa con chung của chị T và C còn nhỏ mặt khác trong thời gian sống ly thân thì con chung ở với chị T. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Phan Phúc An K cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Mặc dù trong đơn ly hôn chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung tuy nhiên tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Diệu T thay đổi và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này chị T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2.4. *Về chia tài sản*: Chị Nguyễn Thị Diệu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Diệu T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí LHST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 238; 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Diệu T được ly hôn với anh Phan Phúc C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị Diệu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T và anh C là Phan Phúc An K, sinh ngày 02/01/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Diệu T không yêu cầu anh Phan Phúc C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Anh Phan Phúc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Diệu T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diệu T phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn

đồng) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006867 ngày 05/4/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa (để ghi vào sổ hộ tịch, giấy CNKH số 34/2018 ngày 26/4/2018);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Xuân Quyền